

Bản án số: 601/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/12/2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Trần Ái Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan

2. Ông Đoàn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 367/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng A, sinh năm 1976.

Hộ khẩu thường trú: 63/2 Đường H1, phường A, quận N, Thành phố C1.

Địa chỉ tạm trú: 139 Đường N, Phường M, quận B, Thành phố H (có mặt).

- Bị đơn: Ông Dương Minh C, sinh năm 1974.

Hộ khẩu thường trú: 63/2 Đường H1, phường A, quận N, Thành phố C1.

Địa chỉ tạm trú: 139 Đường N, Phường M, quận B, Thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/01/2021, trong quá trình xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng A trình bày: Bà và ông Dương Minh C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2000 theo giấy chứng nhận kết hôn số 47/HT, quyền số 01/2000 của Ủy ban nhân dân phường P, thành phố C1, tỉnh T cấp ngày 14/6/2000. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hòa hợp về tính tình, bất đồng quan điểm trong tất cả mọi việc khiến cho cuộc sống chung bí bách, ngột ngạt dẫn đến

tình cảm phai nhạt. Hai bên đã nói chuyện nhiều lần nhưng không giải quyết được. Bà xác định không còn tình cảm gì với ông C. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm được nữa nên bà khởi kiện xin ly hôn với ông C để ổn định cuộc sống riêng và chăm lo cho con.

Về con chung: Bà xác định cả hai có 2 con chung tên Dương Mỹ T1, sinh ngày 24/3/2002 và Dương Mỹ T2, sinh ngày 12/9/2010. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Dương Mỹ T2, sinh ngày 12/9/2010 và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung tên Dương Mỹ T1, sinh ngày 24/3/2002 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: bà A khai không có.

Về nợ chung: bà A khai không có.

Bị đơn ông Dương Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Hoàng A; Về con chung: Giao con chung tên Dương Mỹ T2, sinh ngày 12/9/2010 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông C do bà A không yêu cầu; Riêng con chung tên Dương Mỹ T1, sinh ngày 24/3/2002 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: bà A khai không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 47/HT, quyền số 01/2000 của Ủy ban nhân dân phường Hưng Phú, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ cấp ngày 14/6/2000 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hoàng A và ông Dương Minh C là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Luật Hôn nhân và Gia đình điều chỉnh. Bà A nộp đơn khởi kiện xin ly hôn ông Dương Minh C, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn ông Dương Minh C hiện đang thực tế cư trú tại địa chỉ: 139 Năm Châu, Phường 11, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Dương Minh C đến Tòa án để tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông C đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các biên bản niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án thì ông C đã được Tòa án niêm yết hợp lệ theo quy định tại các Điều 174 và Điều 178 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Dương Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét, bà Nguyễn Thị Hoàng A yêu cầu được ly hôn với ông Dương Minh C vì cho rằng quan hệ hôn nhân giữa bà và ông C có nhiều mâu thuẫn trầm trọng và không thể hàn gắn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hòa hợp về tính tình, bất đồng quan điểm trong tất cả mọi việc khiến cho cuộc sống chung bí bách, ngột ngạt dẫn đến tình cảm phai nhạt. Hai bên đã nói chuyện nhiều lần nhưng không giải quyết được. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ sống chung với nhau, yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau tuy nhiên hai ông bà tuy sống chung nhà nhưng không có sự quan tâm, chia sẻ mà mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với ông Dương Minh C đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng ông C không đến, điều này thể hiện ông C hoàn toàn không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng hôn nhân của bà A và ông C thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, không thể cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà A là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Về con chung: Bà xác định cả hai có 2 con chung tên Dương Mỹ T1, sinh ngày 24/3/2002 và Dương Mỹ T2, sinh ngày 12/9/2010. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Dương Mỹ T2, sinh ngày 12/9/2010 và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung tên Dương Mỹ T1, sinh ngày 24/3/2002 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại biên bản lấy ý kiến của con đề ngày 11/3/2021, trẻ Tâm có nguyện vọng được ở với mẹ. Mặt khác, trẻ Tâm hiện nay đang sống chung với bà A và theo như bà A trình bày thì bà là người trực tiếp chăm sóc các con, ông C từ lâu không còn quan tâm, chăm sóc con cái. Như vậy, nhằm tạo điều kiện cho trẻ được ổn định, không bị xáo trộn về mặt tâm lý cũng như trong cuộc sống và căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử giao con chung Dương Mỹ T2, sinh ngày 12/9/2010 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông C do bà A không yêu cầu. Riêng con chung tên Dương Mỹ T1, sinh ngày 24/3/2002 đã thành niên, đương sự không yêu cầu gì nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: bà A khai không có. Hội đồng xét xử nhận thấy, do hiện nay ông Dương Minh C vắng mặt nên Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến

của ông C về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, về tài sản chung, nợ chung giữ bà A và ông C Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do bà Nguyễn Thị Hoàng A nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 178; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng A.
- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hoàng A được ly hôn với ông Dương Minh C.

- Về con chung: Giao giao con chung Dương Mỹ T2, sinh ngày 12/9/2010 cho bà Nguyễn Thị Hoàng A trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Dương Minh C do bà A không yêu cầu. Riêng con chung tên Dương Mỹ T1, sinh ngày 24/3/2002 đã thành niên, đương sự không yêu cầu gì nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi do các bên tự thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hoàng A chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do bà A đã nộp theo biên lai thu số

0069031 ngày 19/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. bà A đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Hoàng A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Dương Minh C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Bình;
- THADS quận Tân Bình;
- UBND phường Hưng Phú,
thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Trần Ái Vy

